

BYD

BYD ATTO 2



174_{Hp}
Công suất tối đa

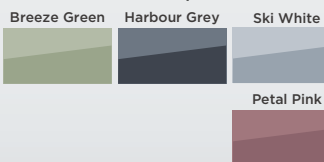
380_{Km}
Quãng đường di chuyển
cho 1 lần sạc đầy - NEDC

8.3_{Giây}
Tăng tốc
0-100 Km/h

(*) Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Thiết kế có thể khác nhau tùy theo thị trường.

MÀU SẮC

MÀU NGOẠI THẤT



MÀU NỘI THẤT



KÍCH THƯỚC



Thiết kế Fashion Dragon Face



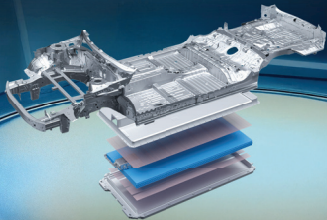
Hệ thống giải trí thông minh



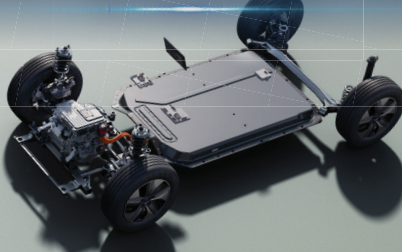
BYD App (**)



Công nghệ Cell-to-Body tiên tiến



BYD Blade Battery



Không gian nội thất rộng rãi



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

KÍCH THƯỚC	HỆ THỐNG AN TOÀN & CẢNH BÁO	TRANG BỊ TIỆN NGHI
Chiều dài tổng thể (mm)	Túi khí phía trước (dành cho người lái và hành khách)	Cổng nguồn điện 12V
Chiều rộng tổng thể (mm)	Túi khí bên hông (dành cho người lái và hành khách)	Hệ thống khóa và khởi động xe thông minh
Chiều cao tổng thể (mm)	Túi khí rèm cửa (trước & sau)	Hỗ trợ khóa thông minh bằng thẻ NFC
Chiều rộng cơ sở - trước/sau (mm)	Hệ thống kiểm soát áp suất lốp (TPMS)	4 kính cửa đóng mở 1 chạm, chống kẹt
Chiều dài cơ sở (mm)	Điểm kết nối ghế an toàn trẻ em ISOFIX	Bộ và lốp
Khoảng sáng gầm xe - không tải (mm)	Hệ thống bó cứng phanh (ABS)	Hệ thống điều hòa tự động
	Hệ thống phanh tay điện tử (EPB)	Bơm gia nhiệt
	Hệ thống cân bằng điện tử (ESC)	Lọc bụi mịn PM 2.5
	Hệ thống kiểm soát lực kéo (TCS)	
	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	
	Hệ thống hỗ trợ xuống dốc (HDC)	
	Hệ thống kiểm soát phanh (BOS)	
	Camera 360°	
	Trang bị 2 Radar phía trước	
	Trang bị 4 Radar phía sau	
	Hệ thống giữ phanh tự động	
	Hệ thống kiểm soát hành trình tự động - Cruise Control	
HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG	HỆ THỐNG GIẢI TRÍ	
Loại motor điện	Radio FM	
Dẫn động	Kết nối Bluetooth	
Công suất tối đa (kW / Hp)	Màn hình cảm ứng xoay thông minh 12,8 inch	
Mô-men xoắn tối đa (Nm)	6 loa	
	Trợ lý giọng nói: tiếng Việt + tiếng Anh + tiếng Trung	
	2 cổng USB (hỗ trợ đồng hồ cả nhân trung tâm)	Cổng USB-A, USB-C
	2 cổng USB (phía sau)	Cổng USB-A, USB-C
HIỆU SUẤT	TRANG BỊ NGOẠI THẤT	
Thời gian tăng tốc 0-100 km/h (s)	Gương chiếu hậu gập điện, chức năng sấy gương	
Quãng đường di chuyển cho 1 lần sạc đầy - NEDC (Km)	Gương chiếu hậu gập điện	
Số chỗ ngồi		
Loại Pin		
Dung lượng Pin (kWh)		
HỆ THỐNG KHUNG GẮM	TRANG BỊ NỘI THẤT	
Hệ thống treo phía trước	Vô-lăng tích hợp các phím điều khiển đa chức năng	
Hệ thống treo phía sau	Hệ thống lái trợ lực điện	
Phanh đĩa phía trước	Màn hình hiển thị thông tin lái 8,8 inch	
Phanh đĩa phía sau	Gương chiếu hậu trung tâm chống chói - chỉnh cơ	
Mâm xe	Ghế da	
Kích cỡ lốp	Hộc đựng đồ cả nhân trung tâm	
	Hàng ghế sau gập tỉ lệ 60/40	
	Ghế lái chỉnh điện 6 hướng	
	Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ 4 hướng	
HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG		
Cổng sạc AC - Type 2		
Bộ sạc treo tường (Wallbox) - 7kW		
Cổng sạc DC - CCS 2 (65kW)		
Chức năng cấp nguồn điện AC V2L		

LƯU Ý

(*) "-" là "không có sẵn", "●" là "có sẵn", "○" là "tùy chọn"

(**) Vui lòng liên hệ để được hướng dẫn đăng ký và cài đặt gói BYD App.

*GIẢI THÍCH:

- Thông số kỹ thuật phía trên dành cho phương tiện tiêu chuẩn, tùy thuộc vào yêu cầu và quy định tại từng khu vực. Thông số kỹ thuật được cập nhật vào tháng 07/2025.
- Phạm vi di chuyển thực tế bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như cách điều khiển xe, tải trọng, điều kiện giao thông... Phạm vi di chuyển công bố chỉ mang tính chất tham khảo.
- Màu sắc được mô tả chỉ mang tính chất tham khảo và có thể khác với màu thực tế do quá trình in ấn.
- Hệ thống hỗ trợ lái xe không thay thế trách nhiệm của người lái đối với phương tiện.
- BYD có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật và tính năng tiêu chuẩn của phương tiện so với bảng thông số này mà không cần báo trước.



CÔNG TY TNHH Ô TÔ BYD (VIỆT NAM)

facebook.com/VietnamBYDAuto/ tiktok.com/@byd.vietnam
www.byd.com/vn info.autovn@byd.com

BYD